**BÀI 6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Hiểu dược ý nghĩa về tỉ số cùa hai số. Biết đọc, viết tỉ số của hai số

- Phát triển các NL toán học như: học sinh giải quyết các bài toán; biết phân tích

**\*Năng lực chung:** -Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**-** Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu sử dụng phép chia để so sánh hai số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| HS xem tranh khới động và thào luận: | HS1: Hãy so sánh số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh. HS2: Có 3 chiêc điện thoại màu hông và 8 chiếc điện thoại màu xanh. Màu hồng ít hơn màu xanh là 8-3 = 5(chiếc diện thoại).  |
| Đê so sánh hai số, không chỉ có so sách hơn kém bao nhiêu đơn vị, người ta còn có thể sử dụng phép tính chia để so sánh số này bằng bao nhiêu phần so với số kia.  | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\*Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa về tỉ số cùa hai số.  |
| GV giới thiệu:* Kêt quà của phép chia 3 : 8 gọi là thương của phép chia số 3 cho số 8.
* Thương 3 : 8 còn gọi là tỉ số của 3 và 8.
* Nói: *Ti sô* giữa số điện thoại màu hồng và số điện thoại màu xanh là 3 : 8 *(ba*

*chia cho tám)* hay $\frac{3}{8}$*(ba phần tâm).*  | HS lắng nghe |
| * Tỉ số của 2 số là kết quả của phép tính gì?
 | Tỉ số của 2 số là kết quả của phép tính chia |
| * Số điện thoại màu hồng là bao nhiêu cái?
 | Số điện thoại màu hồng là 3 cái.  |
| * Số điện thoại màu xanh là bao nhiêu cái?
 | Số điện thoại màu xanh là 8 cái.  |
| Muốn tìm tỉ số của số điện thoại màu hồng với số điện thoại màu xanh, ta làm thế nào? | Muốn tìm tỉ số của số điện thoại màu hồng với số điện thoại màu xanh, ta lấy số điện thoại màu hồng chia cho số điện thoại màu xanh.  |
| Tương tự, muốn tìm tỉ số của số a với số b, ta làm thế nào? | Muốn tìm tỉ số của số a với số b, ta lấy a chia b |
| Khi đó, Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là gì? | Tỉ số của hai số a và b (b khác 0) là thương trong phép chia số a cho số b.  |
| *Kết quả cụ thể là bao nhiêu?* | Là a: b hay $\frac{a}{b}$ |
| Hãy lấy 1 ví dụ về tỉ số của 2 số bất kì.  | HS phát biểu. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có) |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS biết đọc, viết tỉ số cuả hai số |
| **Bài 1.**   |
| * Gọi HS đọc BT1
 | 1HS đọc, HS khác đọc thầm |
| * Ở bài tập này, HS được luyện cách đọc, viết tỉ số. Chúng ta cùng luyện tập từng phần.
 |  |
| 1. Gọi 1 HS đọc lại
 | HS đọc lại yêu cầu |
| GV hướng dẫn mẫu |  |
| Viết bảng: Tỉ số $\frac{2}{3}$Đọc là: Tỉ số của 2 và 3 | HS lắng nghe |
| * Yêu cầu hS thực hành
 | * HS làm và trao đổi với bạn cùng bàn
 |
| * Gọi HS đọc trước lớp
 | * HS đọc to trước cả lớp
 |
| * Chốt cách đọc.
 |  |
| * GV có thê giới thiệu thêm cách đọc.

 *Ví dụ: —* đọc là “Tỉ sô cua 4 đôi với 5”.  |  |
| * Qua phần BT 1. Cho biết, tỉ số có mấy cách viết?
 | * Tỉ số có 2 cách viết, viết dưới dạng phân số hoặc viết phép tính chia
 |
| 1. GV hướng dẫn mẫu
 |  |
| * Tỉ số của 7 và 3 ta làm tnao?
 | * Ta lấy 7:3
 |
| * Vậy Tỉ số của 7 và 3 là 7: 3 hoặc $\frac{7}{3}$
 |  |
| Yêu cầu hS thực hành | * HS làm và trao đổi với bạn cùng bàn
 |
| * Gọi HS đọc trước lớp (Có thể yêu cầu HS viết theo cả 2 cách)
 | * HS đọc to trước cả lớp
 |
| * Vậy tỉ số của 3 và 4 là bao nhiêu?
 | * HS trả lời 3:4 hoặc $\frac{3}{4}$
 |
| * Hãy chọn kết quả đúng ở phần c.
 |  |
| * Vậy tỉ số 4:3 là tỉ số của bao nhiêu?
 | * Là tie số của 4 với 3
 |
| * Lưu ý nhấn mạnh: Tỉ số cua hai số a và b phai được viết theo đúng thứ tự là a : b hay $\frac{a}{b}$
 | * HS lắng nghe
 |
| **Bài 2.**  |  |
| * HS đọc bài
 | * HS xác định yêu cầu
 |
| -Làm thế nào để tìm tỉ số của a và b? | * Ta lấy a: b
 |
| Lưu ý: Tì sô cúa hai sô a và b phài được viết theo đúng thứ tự a : b.  |  |
| * HS thực hành, làm cá nhân vào vở
 | * HS làm bài
 |
| -Gọi HS trình bày |  |
| * HS giải thích kết quả
 |  |
| * Nhận xét, phần c, có điểm nào khác với phần a,b?
 | * ở phần c, số b là phân số
 |
| Qua đó, phân biết phân số và tỉ số? | * Phân số có tử sô và MS đều là số tự nhiên.
* Tỉ số là thương của 2 số, trong đó, 2 số đó có thể là STN hoặc PS
 |
| **\*Củng cố, dặn dò** -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? -Về nhà các em có thể luyện tập thêm cách đọc, viết tỉ số cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2 | Học về tỉ số* -HS nghe để thực hiện.
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**BÀI 6. GIỚI THIỆU VỀ TỈ SỐ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

- Hiểu dược ý nghĩa về tỉ số cùa hai số. Luyện đọc, viết tỉ số của hai số

Làm quen với sơ đồ biêu thị tì số của hai số.

- Phát triển các NL toán học như: Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về tỉ số của hai sổ, cách đọc, viết và quan sát sơ đồ đoạn thẳng biêu diễn tỉ số cùa hai số. HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giai quyết vấn dề toán học, NL giao liếp toán học.

**\*Năng lực chung:** -Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**-** Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu sử dụng phép chia để so sánh hai số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| Trò chơi Ai nhanh hơn?GV đưa ra một số yêu cầu, HS nào có câu trả lời nhanh thì ra tín hiệu. Tỉ số của 3 và 5 là bao nhiêu?Tỉ số của 5 và 3 là bao nhiêu? GV viết bảng, yêu cầu HS đọc: Tỉ số 3:7; 4/3 | HS trả lời – nhận xét |
| -GV nhận xét, tuyên dương- Giới thiệu bài.  |  |
| **B. Luyện tập thực hành**\*Mục tiêu: HS Tìm được tỉ số của 2 số. Hiểu được ý nghĩa tỉ số. Làm quen với sơ đồ biểu thị tì số của hai số.  |
| **Bài 3.**  Gọi HS đọc đề bài | HS đọc |
| * Bài tập có mấy yêu cầu?
 | BT có 3 yêu cầu |
| -Muốn tìm tỉ số của số a với số b ta làm thế nào? | Ta lấy số a chia số b |
| Muốn tìm tỉ số cúc màu xanh và số cúc màu đỏ ta làm thế nào? | Số cúc màu xanh chia số cúc màu đỏ |
| Số cúc màu xanh là bao nhiêu? | Số cúc màu xanh là 4c |
| Số cúc màu đỏ là bao nhiêu? | Số cúc màu đỏ là 5c |
| Vậy tỉ số của số cúc màu xanh với số cúc màu đỏ là bao nhiêu? | 4:5 hoặc 4/5 |
| Tương tự như vậy, thực hiện phần b,c |  |
| GV gọi HS trình bày cách viết tỉ số ở từng phần | HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  |
| GV nhận xét, tuyên dương |  |
| -Muốn tìm tỉ số của 2 số ta làm thế nào? | Muốn tìm tỉ số của 2 số ta lấy số thứ nhất chia cho số thứ hai.  |
| **Bài 4**. Gọi HS đọc bài.  | HS đọc bài.  |
| Em hiểu số tiền tiết kiệm cùa Châu gấp 4 lẩn số tiền tiết kiệm cùa Nguyên là thế nào? | * Nếu số tiền của Nguyên là 1 phần thì số tiền cùa Châu bằng 4 phần.
 |
| * Quan sát sơ đồ đoạn thẳng, trong đó số tiền của Nguyên biểu diễn bằng 1 đoạn thẳng, so tiền của Châu biểu diễn bằng 4 đoạn thẳng (các đoạn thẳng bằng nhau).
 | -HS lắng nghe |
| -Thảo luận nhóm đôi: Hãy trao đổi, suy nghĩ để tìm tỉ số số tiền của Nguyên và số tiền của Châu.  | HS thảo luận nhóm đôi. Trả lời câu hỏi.  |
| -Gọi các nhóm trình bày | Các nhóm trình bày, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có.  |
| -GV nhận xét chung |  |
| * GV tóm tăt *tiên trình* giãi bài toán: số tiền tiết kiệm cùa Nguyên chiếm 1 phần thì của Châu chiếm 4 phần 🡪 Sơ đồ hoá 🡪 Chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số.
 | HS lắng nghe |
| * Ngược lại, tỉ số số tiền của Nguyên và số tiền của Châu là ¼ nghĩa là số tiền của Nguyên 1 phần thì số tiền của Châu bằng 4 phần như thế.
 | HS lắng nghe |
| **C. Hoạt động vận dụng**\*Mục tiêu: HS làm quen với sơ đồ biêu thị tì số của hai số.  |
| **Bài 5**. Yêu cầu HS tự đọc bài | HS đọc bài |
| Số vở của Minh bằng 2/5 số vở của Khuê nghĩa là gì? | Nghĩa là số vở của Minh là 2 phần thì số vở của Khuê bằng 5 phần như thế.  |
| GV hướng dẫn biểu diễn trên sơ đồ đoạn thẳng.  | HS quan sát |
| Qua sơ đồ, hãy thực hiện các yêu cầu của bài tập. Suy nghĩ tìm cách chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số của hai sô rồi viết câu trả lời.  | HS thực hiện |
| Yêu cầu HS chia sẻ cùng bạn | HS chia trẻ trong nhóm |
| Gọi HS trình bày trước lớp | - Trả lời:a) Tỉ số giữa số vở của Minh và số vở của Khuê là 2 : 5 hay 2/5. b) Tỉ số giữa số vở của Khuê và số vở của Minh là 5 : 2 hay 5/2c) Ti sô giữa số vở của Minh và tổng số vở của hai bạn là 2 : 7 hay 2/7- Nói cho bạn nghe cách làm.  |
| Như vậy, tỉ số của 2 số có thể được biểu thị qua sơ đồ đoạn thẳng.  |  |
| Hãy lấy ví dụ minh chứng | HS phát biểu |
| **Củng cố, dặn dò**- Qua bài này, các em biết thêm được điêu gì? | -HS phát biểu, nhắc lại nội dung bài |
| * Nhắc HS về nhà, các em ôn các vân đề: Tỉ số của hai số, cách đọc, viết các tỉ số; quan sát sơ đồ đoạn thẳng biều diễn tỉ số cua hai số rồi tìm cách chuyển dịch về ngôn ngữ tỉ số của hai số.
 |  |
| Tìm tình huống thực tế liên quan den ti số cua hai số, hôm sau chia sé với các bạn.  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

BÀI 7. TÌM HAI SỐ KHI BIÉT TỔNG VÀ TỈ SỐ CÙA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 1)

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tông và tỉ sô cua hai sô dó” và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiền đơn gian.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội dược phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số cùa hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
* Chuẩn bị một số tình huống đơn gian dần tới nhu cầu tìm hai số khi biết tống và tì số cùa hai số đó.
* Bàng phụ, phiếu học tập.
1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| * Chia sẻ 1 tình huống thực tế liên quan den tỉ số của hai số.
 | HS chia sẻ |
| Tổ chức cho HS quan sát tranh và TLCH |  |
|  | HS quan sát tranh |
| Có mấy loại bóng? | Có 2 loại bóng (xanh và dò).  |
| Tổng số bóng của cả hai loại là bao nhiêu quả? | Có tất cá (nghĩa là: tổng số bóng xanh và do) 15 quà bóng |
| - Tỉ sô bóng xanh và bỏng đó bao nhiêu? | Tỉ sô bóng xanh và bóng đó là 2/3 |
| Tính số bóng xanh và số bóng đỏ.  |  |
| Bài toán đưa ra đã cho biết gì? | Cho biết tổng số bóng của 2 loại và tỉ số của 2 loại bóng đó |
| Bài toán yêu cầu gì? | Tìm hai loại bóng xanh và bóng đỏ |
| Vậy làm thế nào để tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó, chúng ta cùng tìm hiểu.  | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\*Mục tiêu: HS biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tông và ti sô cua hai so dó” |
| **Bài 1.**  Đọc và phân tích bài toán.  | * 2 HS đọc, phân tích. HS khác theo dõi
 |
|  | + Bài toán cho biêt: Tòng hai sô 15. Ti sô của hai sô là 2/3. + Bài toán hói: “'Tìm hai số đó”.  |
| Tỉ số cảu hai số là 2/3 biểu thị điều gì? | Nếu số bé là 2 phần bằng nhua thì số lớn là 3 phần như thế |
| GV hướng dẫn HS biểu thị tỉ số bằng sơ đồ.  | HS quan sát |
| * Yêu cầu HS thảo luận nhóm: thào luận cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ sô của hai số đó
 | HS quan sát sơ đô, suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề và chia sẻ với bạn cùng nhóm.  |
| GV gợi ý:  |  |
| Có tất cá bao nhiêu phần bằng nhau? | Có tất cà 2 + 3 = 5 phân bảng nhau |
| 5 phần này có giá trị bằng bao nhiêu? | 5 phần này có giá trị bằng tổng là 15 |
| Vậy muốn tìm giá trị 1 phần ta làm thế nào? | Tính giá trị 1 phẩn 15:5 = 3 |
| Muốn tìm sổ bé ta phái làm gì? | Lấy giá trị 1 phần nhân với số phần tương ứng, ta có: số bé là: 3 x 2 = 6 |
| Vậy số lớn bằng bao nhiêu? | Số lớn là: 3 X 3 = 9 hoặc 15-6 = 9 |
| * Gọi HS trình bày
 | HS nêu câu lời giải và trinh bày bài giải như SGK.  |
| - GV chốt lại: Với dạng “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”, khi giải thường tiến hành theo các bước:+ Bước 1: Vẽ sơ đồ. + Bước 2: Tìm tống số phần bằng nhau. + Bước 3: Tìm giá trị một phần. + Bước 4: Tìm số bé. + Bước 5: Tìm số lớn.  | HS lắng nghe, nhắc lại |
| * Yêu cầu HS thực hành qua ví dụ: Tìm hai số khi biết tổng của hai số là 21. Tỉ số của hai số là 2/5.
 | HS trình bày theo các bước giải.  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số  |
| **Bài 1.**  Yêu cầu HS đọc | HS đọc bài.  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và tỉ số của hai số đó”.
 | HS xác định tổng, tỉ số của hai số trong từng trường hợp.  |
| * Yêu cầu HS thực hiện vào vở
 | HS làm vở, đổi vở kiểm tra chéo nếu làm xong.  |
| * Gọi HS trình bày bài.
 | HS trình bày, nhận xét.  |
| * GV nhận xét chung
 |  |
| **Bài 2**. Gọi HS đọc bài |  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và ti số của hai số đó”.
 | HS xác định tổng, tỉ số của số lít sơn màu xanh và số lít sơn màu trắng.  |
| * HS làm bài nhóm đôi
 | - Vẽ sơ đô, suy nghi tìm môi quan hệ giữa số lít sơn xanh, trắng và tổng rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | * HS trình bày bài vào vở
 |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  | HS trao đổi vở, 1 HS làm bảng lớp. Nhận xét, báo cáo các bài làm. Đặt câu hỏi nếu có.  |
| GV nhận xét chung. Chốt lại các bước giải.  |  |
| **\*Củng cố, dặn dò** -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? -Về nhà các em có thể tìm thêm các bài toán có dạng cần tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó và chuẩn bị cho tiết 2 | Tìm cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số* -HS nghe để thực hiện.
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

BÀI 7. TÌM HAI SỐ KHI BIÉT TỔNG VÀ TỈ SỐ CÙA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 2)

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng và ti sô của hai số đó” và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiền đơn giản.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đaề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số cùa hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
* Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dần tới nhu cầu tìm hai số khi biết tống và tỉ số cùa hai số đó.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| Tổ chức cho HS chơi Truyền điện. Yêu cầu Nối tiếp nhắc lại các bước giải trong dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  | HS tham gia chơi. Lắng nghe nhận xét, bổ sung (nếu có) |
| **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số  |
| **Bài 3.**  Gọi HS đọc bài |  |
| Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết tồng và tỉ số của hai số đó”.  | HS xác định tổng, tỉ số của số gạo tẻ và số gạo nếp.  |
| HS làm bài nhóm đôi | - Vẽ sơ đô, suy nghĩ tìm mối quan hệ giữa số lít sơn xanh, trắng và tổng rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | HS trình bày bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  | HS trao đổi vở, Nhận xét, báo cáo các bài làm. Chữa bài trên bảng phụ. Đặt câu hỏi nếu có.  |
| GV nhận xét chung. Chốt lại các bước giải.  |  |
| D. Hoạt động vặn dụng\*Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để làm các bài tập liên quan đến thực tế cuộc sống.  |
| * Yêu cầu HS tự đọc, phân tích bài toán
 | HS tự đọc, phân tích bài toán |
| Em hiểu số tiền tiết kiệm của chị Linh gấp 4 lần số tiền tiết kiệm của Phúc là thế nào? | Số tiền tiết kiện của Phúc là 1 phần thì số tiền tiết kiệm của chị Linh là 4 phần |
| * Yêu cầù HS trình bày bài làm vào vở.
 | HS làm vở cá nhân |
|  | HS trao đổi vở, chia sẻ với bạn cách mình làm.  |
| * Gọi HS trình bày bài làm
 | * 1 HS trình bày, giải thích cách làm
 |
|  | * Nhận xét, bổ sung
 |
| * GV nhận xét chung.
 |  |
| * Đặt 1 tình huống có trong thực tế liên quan đến dạng toán Tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó.
 | HS nêu tình huống. HS khác nhận xét.  |
| Lựa chọn 1 tình huống yêu cầu HS nêu cách tìm | HS chia sẻ.  |
| GV nhận xét |  |
| **(\*) Cúng cố, dặn dò** |  |
| - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? - Nhắc HS về nhà, các em đọc lại cách giái dạng toán “Tìm hai sô khi biết tông và ti so cua hai so đó”.  | Biết cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**BÀI 8.** **TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ (Tiết 1)**

**I. YÊU CÀU CÂN ĐẠT**

**\*Năng lực đặc thù:**

Biêt cách giãi bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ sô của hai số dó" và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiễn đơn giản.

**Phát triển các NL toán học**: HS có cơ hội dược phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**\*Năng lực chung**: -Phát triển năng lực quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về dạng toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”

**\*Phẩm chất:** -Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
* Chuẩn bị một số tình huống đơn gian dần tới nhu cầu Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
* Bàng phụ, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YÉU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động**  |
| Tổ chức cho HS quan sát tranh và TLCH |  |
|  | HS quan sát tranh |
| Có mấy loại hộp? | Có 2 loại bóng (hộp to và hộp nhỏ).  |
| Hộp to hơn hộp nhỏ bao nhiêu chiếc bút màu?  | Hộp to có nhiêu hơn hộp nhỏ 24 cliiêc bút màu |
| Vậy Hiệu số hộp bóng to với bóng nhỏ là bao nhiêu? | Hiệu sô cùa hai loại bút màu đó là 24.  |
| - Tỉ sô hộp to và hộp nhỏ bao nhiêu? | Tỉ sô số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ là 5/3 |
| Tính số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ |  |
| Bài toán đưa ra đã cho biết gì? | Cho biết hiệu số bút màu ở thộp to và hộp nhỏ cùng với tỉ số của bút màu trong hộp to với hộp nhỏ |
| Bài toán yêu cầu gì? | Tìm số bút màu trong hộp hộp to và hộp nhỏ |
| Vậy làm thế nào để tìm hai số khi biết Hiệu và tỉ số của hai số đó, chúng ta cùng tìm hiểu.  | HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**\*Mục tiêu: HS biết cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó” |
| **Bài 1.**  Đọc và phân tích bài toán.  | * 2 HS đọc, phân tích. HS khác theo dõi
 |
|  | + Bài toán cho biêt: Hiệu hai sô 24. Tỉ số của hai số là 5/3. + Bài toán hói: “'Tìm hai số đó”.  |
| Tỉ số cảu hai số là 5/3 biểu thị điều gì? | Nếu số lớn là 5 phần bằng nhau thì số bé là 3 phần như thế |
| GV hướng dẫn HS biểu thị tỉ số bằng sơ đồ.  | HS quan sát |
| * Yêu cầu HS thảo luận nhóm: thào luận cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó
 | HS quan sát sơ đô, suy nghĩ tìm cách giãi quyết vấn đề và chia sẻ với bạn cùng nhóm.  |
| GV gợi ý:  |  |
| Số lớn hơn số bé mấy phần? | Tìm hiệu số phần bằng nhau 5 - 3 = 2 |
| 2 phần này có giá trị bằng bao nhiêu? | 2 phần này có giá trị bằng tổng là 24 |
| Vậy muốn tìm giá trị 1 phần ta làm thế nào? | Tính giá trị 1 phẩn 24:2 = 12 |
| Muốn tìm sổ lớn ta phái làm gì? | Lấy giá trị 1 phân nhân vời số phần tương ứng, ta có: số lớn là: 12 x 5 = 60 |
| Vậy số bé bàng bao nhiêu? | Số bé là: 12 x 3 = 36 hoặc 60 - 24 = 36 |
| * Gọi HS trình bày
 | HS nêu câu lời giái và trinh bày bài giài như SGK.  |
| - GV chốt lại: Với dạng “Tìm hai số khi biết hiệu và ti sô cua hai sô đó”, khi giai thường liến hành theo bon bước:+ Bước 1: Vẽ sơ đồ. + Bước 2: Tìm hiệu số phần bằng nhau. + Bước 3: Tìm giá trị một phân. + Bước 4: Tìm số lớn+ Bước 5: Tìm sô béLưu ý, HS có thể tìm số lớn trước hoặc số bé trước đều được.  | HS lắng nghe, nhắc lại |
| * Yêu cầu HS thực hành qua ví dụ: Tìm hai số khi biết hiệu của hai số là 6. Tỉ số của hai số là 2/5.
 | HS trình bày theo các bước giải.  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**\*Mục tiêu: HS luyện tập cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số  |
| **Bài 1.**  Yêu cầu HS đọc | HS đọc bài.  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết hiệu và ti số của hai số đó”.
 | HS xác định hiệu, tỉ số của hai số trong từng trường hợp.  |
| * Yêu cầu HS thực hiện vào vở
 | HS làm vở, đổi vở kiểm tra chéo nếu làm xong.  |
| * Gọi HS trình bày bài.
 | HS trình bày, nhận xét.  |
| * GV nhận xét chung
 |  |
| **Bài 2.**  Gọi HS đọc bài |  |
| * Hướng dẫn HS nhận biết dạng toán: ‘Tìm hai số khi biết hiệu và ti số của hai số đó”.
 | HS xác định hiệu, tỉ số của cuộn dây màu xanh và cuộn dây màu đỏ |
| * HS làm bài nhóm đôi
 | - Vẽ sơ đô, suy nghi tìm môi quan hệ giữa cuộn dây màu xanh và cuộn dây màu đỏ và hiệu rồi chia sè với bạn cùng nhóm |
|  | * HS trình bày bài vào vở
 |
| - Yêu cầu HS đôi vờ, chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  | HS trao đổi vở, 1 HS làm bảng lớp. Nhận xét, báo cáo các bài làm. Đặt câu hỏi nếu có.  |
| GV nhận xét chung. Chốt lại các bước giải.  |  |
| **\*Củng cố, dặn dò** -Tiết học vừa rồi chúng ta đã được học nội dung gì? -So sánh các bước giải của dạng toán tìm hai số khi biết tổng -tỉ số với dạng toán tìm hai số khi biết hiệu -tỉ số-Về nhà các em có thể tìm thêm các bài toán có dạng cần tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó và chuẩn bị cho tiết 2 | Tìm cách tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số* Nêu bước làm giống, khác nhau.
* -HS nghe để thực hiện.
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………